

Câu 1: Bạn hãy cho biết thông tin về nhân vật đã thiết lập nền hành chính trên vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai? Hãy trình bày những hiểu biết của bạn về địa giới hành chính vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai từ năm 1698 đến khi hình thành tỉnh Đồng Nai hiện nay?

VÀI NÉT VỀ NHÂN VẬT ĐÃ THIẾT LẬP NỀN HÀNH CHÍNH

VÙNG ĐẤT BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI

Theo sử sách, nhân vật có công thiết lập nền hành chính vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai là Chương cơ Nguyễn Hữu Cảnh (Nguyễn Hữu Kính).

Nguyễn Hữu Kính (1650 – 1700) – xưa nay họ tên ông vẫn lưu truyền phổ biến là Nguyễn Hữu Cảnh– ông là một tướng giỏi đời Chúa Nguyễn Phúc Chu (1691- 1725), là con thứ của danh tướng Chiêu Vũ Hầu Nguyễn Hữu Dật. Thời niên thiếu, Ông đã theo cha phục vụ trong quân ngũ đến bậc Cai Cơ. Ông đã lập công trạng lớn đầu tiên khi chúa Nguyễn Phúc Chu vào năm 1692 phái ông làm Thống binh cùng với tham mưu Nguyễn Đình Quang đem quân đánh vua Chiêm là Kê Bà Tranh, bình định biên cương. Sau đó Ông được Chúa Nguyễn thăng chức Chương cơ và cho làm Trấn thủ dinh Bình Khương. Ông chính là người có công kinh lược sứ Đồng Nai – Gia Định vào năm 1689.

Mùa thu năm Kỷ Mão (1699) vua nước Chân Lạp là Nặc Thu làm phản, Chúa Nguyễn hạ lệnh cử Trấn thủ Bình Khương Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh làm chức Thống binh cùng phó tướng Phạm Cẩm Long, Tham tướng Nguyễn Hữu Khánh đem quân sĩ từ Dinh Bình Khương, cho đóng 7 thuyền chiến thuộc binh của Quảng Nam vào Trấn Biên, hợp cùng tướng Trần Thượng Xuyên lo việc trấn vệ biên cương. Mùa xuân năm Canh Thìn (1700) đánh bức lũy Nam Vang và Bích Đồi. Nặc Yêm, Nặc Thu phải xin hàng. Nguyễn Hữu Cảnh kéo quân về cù lao Cây Sao. Sau đó Ông bị đánh lén dẫn đến trọng thương, về tới Rạch Gầm thì mất, năm ấy 51 tuổi. Chúa Nguyễn phong tặng là Hiệp Tán Công Thần Đặc Tiến Chương Dinh, thụy là Trung Cần, ban cho vàng lụa để hậu táng. Năm Gia Long thứ 4 (1805) tặng là Tuyển Lược Công Thần Đặc

Tiền Phụ Quốc Thượng Tướng Quân, Cẩm y vệ Đô Chỉ Huy Sứ Ty Đô Chỉ Huy Sứ, Đô Đốc Phủ Chương Phủ Sư Phó Tướng Chương Cơ, liệt vào hàng Thượng Đẳng Thần, Minh Mạng thứ 12 (1831) tặng Thần Cơ Dinh Đô Thống Chế, Vĩnh An Hầu. Các Triều đại đều có Sắc phong Thượng Đẳng Thần: Gia Long thứ 4 (1805), Minh Mạng thứ 3 (1822), Thiệu Trị năm thứ 3 (1843), Tự Đức năm thứ 5 (1852). Hiện nay lăng mộ Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh nằm trên một ngọn đồi rộng của dãy núi An Mã, thuộc xã Trường Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.



Trên cơ sở của một lực lượng di dân, khai khẩn vùng đất phương Nam, chúa Nguyễn Phúc Chu đã cử Nguyễn Hữu Cảnh – một tướng tài giỏi kinh lược phía Nam vào mùa xuân năm Mậu Dần (1698). Chuyền kinh lược này, Nguyễn Hữu Cảnh đã thực thi một việc vô cùng quan trọng, đó là thiết lập một hệ thống tổ chức bộ máy hành chính ở vùng đất mới. Cụ thể là : Ông “*lấy xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long dựng dinh Trấn Biên , lấy xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình dựng dinh Phiên Trấn, mỗi dinh đặt chức Lưu thủ, Cai bộ và Ký lục để quản trị, nha thuộc có hai ty xá – lại để làm việc; quân binh thì có cơ, đội, thuyền, thủy bộ binh và thuộc binh để hộ vệ*”.

Đất đai lúc Nguyễn Hữu Cảnh kinh lược (kể toàn phủ Gia Định) mở rộng 1000 dặm, dân số hơn 4 vạn hộ, trung bình một hộ 5 người thì ở toàn phủ Gia Định lúc này có đến 200.000 người. Ông chiêu mộ lưu dân từ Bồ Chánh (Quảng

Bình) đưa vào Nam cho ở đông đúc, thành lập xã, thôn, phường, ấp, chia đặt địa giới, khai khẩn ruộng đất, định lệ thuế, tô và dung, đồng thời lập sổ đình, sổ điền. Với việc xác lập chủ quyền bằng cách thiết trí hệ thống hành chính các cấp (phủ, huyện, phường, xã, thôn, ấp), lưu dân người Việt từ chỗ là kiều dân đã cùng với các tộc người khác trở thành thân dân của chúa Nguyễn.

Ở Đồng Nai (tức huyện Phước Long), đơn vị hành chính cơ sở là xã, phường, thôn, ấp, tượng. Vào thế kỷ XVIII, làng xã Đồng Nai vẫn được đặt dưới quyền quản lý của viên Xã trưởng. Xã trưởng được gọi bằng danh từ chính thức là Tướng thân Xã trưởng, trong khi bình dân gọi là Cai Xã từng được Thích Đại Sán nhắc đến trong Hải Ngoại ký sự của ông. Xã trưởng cùng với các kỳ mục, tức hương chức hay viên chức làng, họp thành Hội đồng làng xã, hay Hội đồng Kỳ mục. Chức vụ Xã trưởng thường được xếp tòng cử phẩm. Các Xã trưởng có các phận sự: – Duy trì an ninh trong làng xã; Quản trị tài sản làng xã; Bảo lưu và thiết lập sổ địa bạ và sổ đình; Phụ tá các quan trên trong các công vụ....

Trong Hội đồng Kỳ mục Đồng Nai, người ta thấy có những thành phần như sau: chức sắc gồm những người có chức quan, đương quan cũng như cựu quan cư ngụ trong làng; chưa có mấy người có khoa mục, lão nhiêu, kỳ mục, đa số là những người có tiền của đóng góp trong công việc xây dựng làng xã.

Trong sử liệu hành chánh ở cấp làng xã, Lê Quý Đôn cho chúng ta nhiều chi tiết về các chức vụ đã có ở Thuận Quảng ít ra trong thế kỷ XVIII: Cai thuộc và Ký thuộc trông coi các thuộc; Cai xã, Tướng thân, Xã trưởng trông coi các xã. Những chi tiết về bổng lộc cho các chức vụ này cho thấy hầu như không có những sự phân biệt về quyền hạn khác nhau của mỗi chức vụ trên.

Những loại đơn vị ở phủ Gia Định, Đồng Nai như thuộc, trại, bãi, nguồn, cửa, nậu,... không giống như những đơn vị có tổ chức tương đối hoàn chỉnh và ổn định ở Thuận Quảng. Sự kiện này cho thấy cơ cấu tổ chức làng xã trong thế kỷ XVIII ở phủ Gia Định chưa đi vào nề nếp; nếu chưa có những đơn vị hành

chính cơ sở được định danh chắc chắn, thì cũng chưa thể có một cơ cấu quyền binh với các chức vụ có trách nhiệm và quyền hạn rõ rệt cho từng đơn vị tạm thời này. Tuy tạm thời cũng đã có một cơ chế quyền lực cơ sở vận hành ở các vùng định cư thuộc Đồng Nai. Với những tư liệu hạn chế ta cũng có thể hình dung guồng máy quyền lực nông thôn ở Đồng Nai có một số đặc điểm.

Tư liệu của Lê Quý Đôn cho chúng ta biết nhiều đến các chi tiết thuế má, quân sự ở đất Đồng Nai – Gia Định hơn là về làng xã, dân đinh: đây là những chỉ dẫn khá chắc chắn cho thấy Đồng Nai ở thế kỷ XVIII chủ yếu vẫn là một phần đất nặng về khai thác tài nguyên trước mắt mà chưa có tổ chức quản lý làng xã vững vàng.

Sự hình thành cơ cấu xã hội nông thôn ở Đồng Nai đã diễn ra theo một quá trình thật phức tạp. Từ trước thế kỷ XVII và sau đó, xã hội nông thôn Đồng Nai đã có và còn có những thành phần dân cư bản địa, tuy ít ỏi và phân tán. Những nhóm dân tộc ít người mà gọi là Đê man có mặt đó đây ở miền Đông, sinh sống khá tập trung ở vùng bậc thềm cuối cùng của vùng Cao nguyên Nam Trung bộ, tức khu vực Di Linh – Lâm Đồng.

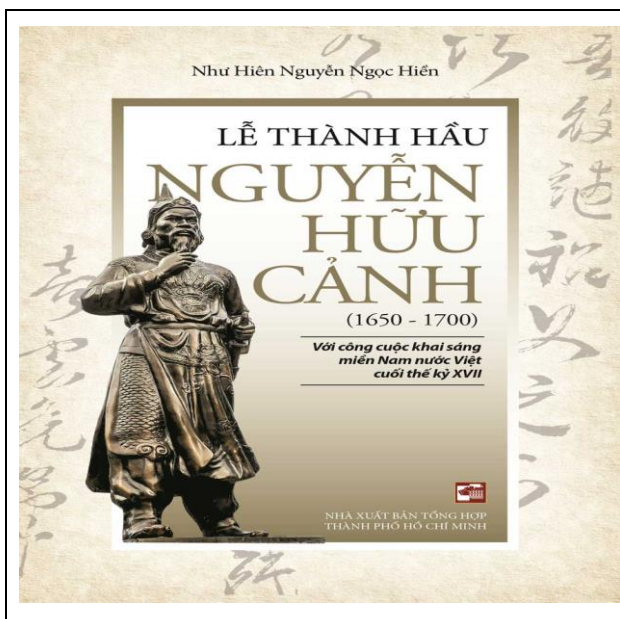
Xã hội nông thôn Đồng Nai còn có nhóm lưu dân người Hoa là một bộ phận di dân khá quan trọng sau người Việt. Họ sinh tụ trước hết trong các khu định cư ở vùng Bến Gỗ, Cù Lao Phố. Họ có cả một cơ cấu xã hội riêng biệt trong các làng xã của họ bắt nguồn từ truyền thống cộng đồng dân tộc người Trung Hoa ở các tỉnh phía Nam Trung Quốc.

Ở thời kỳ thành lập, cơ cấu xã hội được kiến tạo một cách tự phát do nhiều thành phần đến từ phía Bắc, cụ thể là ở Thuận Quảng, Phú Yên,... nói sự hình thành có tính cách ngẫu nhiên, vì các lưu dân đã chuyển cư vào Đồng Nai do sự thúc bách của nhiều động lực khác nhau, nhưng khi đến đất mới Đồng Nai, họ trở thành những cộng đồng làng xã mới. Cấu trúc xã hội khởi đầu này lại

còn được quy định do từng phương thức lập làng của từng cộng đồng lưu dân, đặt ra các tiêu chuẩn để tuyển mộ từng thành phần xã hội khác nhau.

Khi Nguyễn Hữu Cảnh kinh lược đất Đồng Nai ngoài việc thiết lập hệ thống quản lý hành chính đặt ra phường ấp xã thôn chia cắt địa phận, “*lập bộ đình bộ điền*”, ông còn cho “*chiêu mộ những người dân có vật lực từ các xứ Quảng Nam, phủ Điện Bàn, Phủ Quảng Nghĩa và phủ Quy Nhơn thiên cư vào đất Đồng Nai thuộc phủ Gia Định*”. Chính những người dân có vật lực này, tức là những người giàu có, đã mang đến một sinh khí mới cho công cuộc khai khẩn đất đai ở đây, vì chỉ có họ mới có điều kiện tài chính để thuê mướn người làm (điền nô) tổ chức việc khai hoang với quy mô lớn. Những người di cư mới ra sức chặt phá cây cối, cắt cỏ rậm và mở mang đất đai thành những vùng đất bằng phẳng, thổ địa phù nhiêu.

Chuyến kinh lược này, Nguyễn Hữu Cảnh đã thực thi một việc vô cùng quan trọng: Đó là thiết lập một hệ thống tổ chức bộ máy hành chính ở vùng đất mới. Ông lấy xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long dựng dinh Trấn Biên, lấy xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình dựng dinh Phiên Trấn, mỗi dinh đặt chức Lưu thủ, Cai bộ và Ký lục để quản trị, nha thuộc có hai ty xá – lại để làm việc; quân binh thì có cơ, đội, thuyền, thủy bộ binh và thuộc binh để hộ vệ.



Việc làm của Nguyễn Hữu Cảnh có tác động lớn đến vùng đất mới. Vùng đất rộng, người thưa, dân cư gồm những người tha phương cầu thực đã chung sống trở thành cộng đồng. Về mặt pháp lý, với bộ máy hành chính cụ thể, người dân chịu sự cai quản của nhà nước, sống theo trật tự xã hội và có điều kiện phát triển kinh tế. Bên cạnh đó, Nguyễn Hữu Cảnh thực thi chính sách dân tộc độc đáo khai thác tiềm năng của cộng đồng người Hoa và ổn định về xã hội cho họ yên tâm cùng với lưu dân Việt phát triển vùng đất Đồng Nai bằng cách lập đơn vị hành chính riêng. Cụ thể là lập xã Thanh Hà ở Trấn Biên (Biên Hòa), Minh Hương (Sài Gòn) ở Phiên Trấn.

Trên cơ sở khẳng định vùng lãnh thổ, chúa Nguyễn bắt đầu thực hiện những chính sách khẩn hoang và phát triển kinh tế trên đất Nam Bộ nói chung và Đồng Nai nói riêng. Qua cuộc kinh lược của Nguyễn Hữu Cảnh vào năm 1698 đã biến vùng đất Đồng Nai – Gia Định thực sự thuộc chủ quyền và đặt dưới sự quản lý của chúa Nguyễn. Nó đẩy nhanh quá trình khai khẩn đất hoang và phát triển kinh tế ở vùng đất này. Những việc làm này đã đặt nền tảng xã hội cơ bản. Từ đây Đồng Nai – Gia Định trở thành lãnh thổ chính thức của nước Việt Nam.

ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH VÙNG ĐẤT BIÊN HÒA – ĐỒNG NAI

TỪ NĂM 1698 ĐẾN KHI HÌNH THÀNH TỈNH ĐỒNG NAI HIỆN NAY

Theo sách Đồng Nai góc nhìn văn hóa của tác giả Huỳnh Văn Tới và Phan Đình Dũng thì địa giới hành chính vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai được chia như sau:

1. Trước năm 1698

Từ cuối thế kỷ XVI trở về trước, trên danh nghĩa, Đồng Nai là một vùng đất thuộc vương quốc Chân Lạp, nhưng “thuộc” một cách lỏng lẻo. Đây là một vùng đất rộng, một số các dân tộc sinh sống lâu đời như: Stiêng, Mạ, Cơ ho, Mnông, Chơ-ro và một ít người Khme. Các dân tộc vẫn sống tự do, chưa hợp

thành đơn vị hành chính. Trên thực tế, đây là một vùng đất tự do của các dân tộc, là vùng đất hoang nhàn cả về kinh tế lẫn chủ quyền.

Từ cuối thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XVII, vùng đất Đồng Nai xuất hiện những di dân Việt từ miền Đàng Ngoài đến khai khẩn, sinh sống. Tiến trình nhập cư của lưu dân Việt diễn ra liên tục trong suốt thế kỷ XVII. Trên cơ sở lưu dân Việt sinh sống, chúa Nguyễn Phúc Nguyên đã thiết lập sở thu thuế tại PreiKor (tức thuộc địa phận Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay).

Sau này, một bộ phận người Hoa đến sinh sống. Sự có mặt của người Hoa được sử sách chép với mốc thời gian định vị rõ ràng: Tháng 5 năm Kỷ Vị (1679), Trần Thượng Xuyên và Dương Ngạn Địch, bầy tâu nhà Minh, không phục nhà Thanh đã dẫn 3.000 người với 50 chiếc thuyền nhập cửa biển Tư Dung, xin định cư ở nước ta. Chúa Nguyễn chấp thuận cho vào đất Đông Phố. Nhóm Long Môn của

Dương Ngạn Địch theo cửa Đại, cửa Tiểu đến định cư tại Mỹ Tho. Nhóm Cao, Lôi, Liêm của Trần Thượng Xuyên theo cửa biển cần Giờ đến sinh sống ở xứ bàn lân (tức Biên Hòa ngày nay).

Như vậy, cho đến cuối thế kỷ XVII, vùng đất Đồng Nai có thêm người Việt, người Hoa đến khai khẩn, cư trú. Tại đây, lưu dân Việt, Hoa đã tiến hành khai phá và nhanh chóng biến nơi đây trở thành vùng đất trù phú. Các chúa Nguyễn đã thiết lập được ảnh hưởng tại đây bằng cách hình thành những cơ sở quyền lực là các đồn thu thuế, nắm được tình hình dân chúng. Đây là những cơ sở đầu tiên để vào thời điểm năm 1698, chúa Nguyễn Phúc Chu tiến hành việc đặt vùng Đồng Nai vào sự quản lý chính thức của xứ Đàng Trong.

2. Thời các chúa Nguyễn (1698 - 1802)

Năm Mậu Dần (1698), Chương cơ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh vâng mệnh chúa Nguyễn Phúc Chu kinh lược vào vùng đất phương Nam (hiểu là cả vùng Nam Bộ bây giờ). Sách Gia Định thành thông chí cho biết: “Mùa xuân năm thứ 8, Mậu Dần (1698), thời Hiên tông Hiếu Minh hoàng đế (Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu),... triều đình sai Thống suất Chương cơ Lễ Thành hầu họ

Nguyễn Hữu Cảnh) sang kinh lược đất Cao Miên, ông lấy đất Nông Nại đặt làm phủ Gia Định, lập đất Đồng Nai làm huyện Phước Long, dựng nên dinh Trấn Biên, lập xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình, lập dinh Phiên Trấn. Mỗi dinh lập ra chức Lưu thủ, Cai bạ và Ký lục để cai trị. Về vệ thuộc thì có 2 ty Xá, Lại để làm việc, quân binh thì có tinh binh cơ đội thuyền thủy bộ và thuộc binh để hộ vệ. Ngàn dặm đất đai, dân hơn 4 vạn hộ, chiêu mộ lưu dân từ châu Bộ Chính đến lập nghiệp, lập ra thôn, xã, phường, ấp, phân định địa giới, ruộng đất, lập ra tô thuế, xây dựng dinh điền, bạ tịch. Con cháu người Hoa nếu ở nơi Trấn Biên được quy lập thành xã Thanh Hà, còn ở Phiên Trấn thì lập thành xã Minh Hương, rồi cho phép vào hộ tịch”.

Với việc phân chia địa giới, cử người đặt chức trông coi, định mức thuế tô dung, làm sổ dinh điền, tờ chức quân binh... Nguyễn Hữu Cảnh thiết lập bộ máy quản lý hành chính đầu tiên ở Nam Bộ. Người Việt từ chỗ là lưu dân và các tộc người khác trở thành thân dân, đặt dưới sự quản lý của chúa Nguyễn.

Vùng đất Đồng Nai có tên gọi là dinh Trấn Biên thuộc huyện Phước Long, phủ Gia Định. Dinh là trại quan quân. Huyện Phước Long có địa giới được ước định khá rộng thuộc miền Đông Nam Bộ ngày nay, gồm: Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu và một phần Bình Thuận; một phần Thành phố Hồ Chí Minh (bao gồm quận 2, quận 9, quận Thủ Đức). Lúc này, dân số của cả phủ Gia Định hơn 40.000 người.

Vào giữa thế kỷ XVIII, cả vùng đất Nam Bộ được chia làm 03 dinh, 01 trấn; gồm: dinh Trấn Biên, dinh Phiên Trấn, dinh Long Hồ và trấn Hà Tiên. Năm 1776, sau khi đánh bại chúa Nguyễn, Đông Định Vương Nguyễn Lữ đổi dinh Trấn Biên thành Biên Trấn. Năm 1788, chiếm lại được toàn Nam Bộ, Nguyễn Ánh chia đất Gia Định làm 5 dinh: Trấn Biên, Phiên Trấn, Vĩnh Trấn, Trấn Định, Hà Tiên.

3. Thời các vua Nguyễn (1802 - 1861)

Năm 1802, Nguyễn Ánh lên ngôi, lấy niên hiệu là Gia Long. Năm 1808, Gia Long sắp đặt lại hành chính vùng đất Nam Bộ. Theo đó, phủ Gia Định được

gọi là Thành Gia Định. Các dinh trước đây đổi thành trấn trực thuộc Thành Gia Định. Dinh Trấn Biên đổi thành trấn Biên Hòa. Huyện Phước Long nâng lên thành phủ. Bốn tổng của huyện Phước Long là Phước Chánh, Bình An, Long Thành, Phước An được nâng thành 04 huyện. Huyện Phước Chánh gồm 2 tổng là Phước Vinh, Chánh Mỹ, có 85 thôn. Huyện Bình An gồm 2 tổng Bình Chánh, An Thủy, có 119 thôn, xã, phường). Huyện Long Thành gồm 2 tổng Long Vĩnh, Thành Tuy, có 63 thôn, phường. Huyện Phước An gồm 2 tổng An Phú, Phước Hưng, có 43 thôn, phường.

Năm 1820, hoàng tử Đảm lên ngôi vua, lấy niên hiệu Minh Mạng. Năm 1821, Minh Mạng thực hiện xếp đặt một số đơn vị hành chính. Tùy theo diện tích và dân số của mỗi huyện mà tăng số tổng lên khác nhau.

Chẳng hạn, hai tổng của huyện Phước Chánh là Phước Vinh, Chánh Mỹ được chia thành 6 tổng là: Phước Vinh Thượng, Phước Vinh Trung, Phước Vinh Hạ, Chánh Mỹ Thượng, Chánh Mỹ Trung, Chánh Mỹ Hạ, có 101 thôn, xã. Hai tổng Bình Chánh, An Thủy của huyện Bình An chia làm 8 tổng là: Bình Chánh Thượng, Bình Chánh Hạ, Bình Chánh Trung, Bình Chánh Tây, An Thủy Thượng, An Thủy Trung, An Thủy Hạ, An Thủy Đông, có 89 xã, thôn ấp.

Hai tổng Long Vĩnh, Thành Tuy của huyện Long Thành được chia làm 4 tổng là: Long Vĩnh Thượng, Long Vĩnh Hạ, Thành Tuy Thượng, Thành Tuy, có 53 ấp, thôn, xã. Hai tổng An Phú, Phước Hưng của huyện Phước An được chia thành 4 tổng là: An Phú Thượng, An Phú Hạ, Phước Hưng Thượng, Phước Hưng Hạ, có 42 xã, thôn, phường.

Năm 1832, Minh Mạng sắp xếp lại đơn vị hành chính toàn quốc, các đơn vị trấn đổi thành tỉnh. Trấn Biên Hòa đổi thành tỉnh Biên Hòa. Các chức quan đầu tỉnh cũng thay đổi danh xưng, đặt chức Tuần vũ kiêm nhiệm chức vụ Bồ chánh và Án sát, đặt dưới quyền của chức Tổng đốc An Biên (tức Phiên An và Biên Hòa). Lúc bấy giờ, toàn Nam Bộ có 06 tỉnh, gồm: Biên Hòa, Gia Định, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên; nên được gọi là Nam Kỳ lục tỉnh.

Từ năm 1837, tỉnh Biên Hòa có 2 phủ Phước Long, Phước Tuy và 6 huyện: Phước Chánh, Bình An, Long Thành, Phước An; 2 huyện mới là Long Khánh, Ngãi Giao. Phủ Phước Tuy thành lập trên cơ sở 2 huyện Long Thành, Phước An. Huyện Long Khánh thành lập trên cơ sở tách phần đất phía Bắc của 2 huyện Long Thành, Phước An gồm 6 tổng: Long Xương, Long Cơ, An Trạch, An Viễn, Tập Phước và Khánh Nhân. Huyện Ngãi An được thành lập trên cơ sở người dân thiểu số ở thủ An Lợi hợp với 3 tổng người Kinh chia thành 5 tổng.

Năm 1838, tỉnh Biên Hòa có 2 phủ Phước Long, Phước Tuy và 7 huyện, gồm: Phước Chánh, Bình An, Long Thành, Phước An, Long Khánh, Ngãi Giao, Phước Bình (huyện mới Phước Bình được thành lập trên cơ sở cắt tổng Chánh Mỹ Hạ của huyện Phước Chánh và các tộc người thiểu số của 3 phủ Bình Lợi, Định Quán và huyện Phước Bình chia thành 4 tổng: Phước Thành, Bình Sơn, Bình Tuy, Bình Cách. Năm 1840, trên cơ sở của 81 buôn làng người dân tộc thiểu số quy phục, đặt thành 04 thủ: Tân Bình, Tân Định, Tân Thuận, Tân Lợi.

Năm 1851, tỉnh Biên Hòa có 2 phủ Phước Long, Phước Tuy và 4 huyện Phước Chánh, Bình An, Long Thành, Phước An. (Bãi bỏ 03 huyện: huyện Phước Bình quy về phủ Phước Long; huyện Long Khánh vào phủ Phước Tuy; huyện Ngãi An nhập vào huyện Bình An).

4. Thời kỳ thuộc Pháp (1861 - 1945)

Tháng 12, liên quân Pháp - Tây Ban Nha tiến đánh thành Biên Hòa. Ngày 18/12/1861, thành Biên Hòa rơi vào tay quân Pháp. Quân Pháp vẫn sử dụng địa giới phân chia tỉnh của triều Nguyễn có từ năm 1832.

Năm 1862, theo Hòa ước Nhâm Tuất (ngày 9/5) ký giữa triều đình Huế và Pháp, tỉnh Biên Hòa cùng với tỉnh Gia Định, Định Tường là thuộc địa của Pháp. Quân Pháp vẫn giữ nguyên cơ cấu hành chính Biên Hòa cho đến năm 1863. Tỉnh Biên Hòa vẫn còn 2 phủ Phước Long, Phước Tuy và 4 huyện là Phước Chánh, Bình An, Long Thành, Phước An.

Năm 1864, ba tỉnh miền Đông Nam Bộ bị Pháp chia làm 7 tiểu khu chỉ huy. Tỉnh Biên Hòa chia thành 2 tiểu khu là Biên Hòa và Bà Rịa. Đến năm

1865, Pháp chia 03 tỉnh miền Đông Nam Bộ thành 13 sở Tham Biện (sở Thanh Tra). Tỉnh Biên Hòa được chia thành 5 sở, gồm: Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Bà Rịa, Long Thành, Bảo Chánh. Năm 1866, Pháp chia 03 tỉnh miền Đông Nam Bộ thành 13 địa hạt. Tỉnh Biên Hòa chia làm 6 địa hạt, gồm: Biên Hòa, Bà Rịa, Long Thành, Thủ Đức và Bảo Chánh.

Năm 1867, sau khi chiếm trọn 6 tỉnh Nam Kỳ, Pháp chia địa bàn Nam Kỳ thành 24 địa hạt Thanh Tra. Tỉnh Biên Hòa chia ra 5 địa hạt, gồm: Biên Hòa (gồm địa bàn châu thành Biên Hòa, huyện Phước Chánh và huyện Long Khánh trước đây; có 6 tổng 100 làng), Bà Rịa (gồm địa bàn Châu Thành Bà Rịa và huyện Phước An trước đây, có 7 tổng 57 làng), Bình An (gồm địa bàn châu thành Thủ Dầu Một và huyện Bình An trước đây, có 7 tổng 71 làng), Long Thành (gồm địa bàn châu thành Long Thành và huyện

Long Thành trước đây, có 10 tổng 105 làng), Ngãi An (gồm địa bàn châu thành Thủ Đức và huyện Ngãi An trước đây, có 4 tổng 35 làng). Sau, các hạt Thanh Tra đổi tên thành Tham Biện. Nơi trị sở gọi là Toà Tham Biện; người Việt quen gọi Toà Bó. Ngày 29 tháng 10 năm 1868, Thống đốc Nam Kỳ xoá bỏ Toà Tham Biện Thủ Đức, nhập địa hạt vào toà Tham Biện Sài Gòn. Địa bàn Thủ Đức tách hẳn khỏi Biên Hòa.

Từ năm 1871, Thống đốc Nam Kỳ xoá bỏ Toà Tham Biện Long Thành, thực hiện việc sáp nhập một số địa hạt. Tỉnh Biên Hòa còn 3 sở Tham Biện là: Biên Hòa, Bà Rịa, Thủ Dầu Một. Ngày 5 tháng 1 năm 1876, Thống đốc Nam Kỳ chia lãnh thổ Nam Kỳ thành 4 khu vực hành chính, mỗi khu vực có một số tiểu khu, địa giới tương đương với một phủ hay một huyện thời Nguyễn, có một số tổng và một số làng. Tỉnh Biên Hòa chia thành 3 tiểu khu, gồm: Biên Hòa (đất huyện Phước Chánh và huyện Long Thành trước đây), Thủ Dầu Một (đất phủ Phước Long, huyện Bình An trước đây), Bà Rịa (đất phủ Phước Tuy, huyện Phước An và huyện Long Khánh trước đây) thuộc về khu vực I Sài Gòn.

Năm 1881, tỉnh Biên Hòa có 9 tổng, 121 làng. Năm 1887, cả Nam Kỳ có 22 sở Tham Biện, trong đó, tỉnh Biên Hòa có 4 sở Tham Biện, gồm: Biên Hòa,

Bà Rịa, Thủ Dầu, Cap Saint ' Jacques (Vũng Tàu - còn gọi là 0 cấp được tách ra từ Bà Rịa).

Ngày 12/01/1888, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định xoá bỏ Tiểu khu hành chính Thủ Dầu Một, nhập phần đất vào Tiểu khu hành chính Biên Hòa. Đến ngày 19 tháng 12 năm 1892, Tiểu khu hành chính Thủ Dầu Một được thành lập lại.

Ngày 01/5/1895, Thống đốc Nam Kỳ ra Nghị định tách thị xã Cap Saint - Jacques (Vũng Tàu) khỏi Tiểu khu hành chính Bà Rịa, lập thành thành phố tự trị. Năm 1897, tỉnh Biên Hòa có 14 tổng, 170 làng.

Ngày 20/01/1898, thành phố tự trị Cap Saint - Jacques (Vũng Tàu) được nhập lại với Bà Rịa, gọi chung là khu Cap St - Jacques. Sau một năm, khu Cap Saint Jacques đổi thành tổng được một thời gian ngắn, lại tách Bà Rịa và Cap Saint - Jacques thành 2 đơn vị hành chính độc lập.

Năm 1899, chính quyền thuộc địa Pháp có sự thay đổi lớn về sắp xếp các đơn vị hành chính. Ngày 1 tháng 11, Pháp lập sở Tham Biện Đồng Nai Thượng (Haut Donnai). Một phần đất vùng Định Quán của Biên Hòa bị cắt nhập vào Đồng Nai Thượng (năm 1901, tỉnh Đồng Nai Thượng bị bãi bỏ, nhập vào tỉnh Bình Thuận. Đến năm 1920, tỉnh Đồng Nai Thượng được lập lại).

Ngày 20/12/1899, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định đổi các địa hạt Tham biện ở Nam Kỳ thành tỉnh. Tỉnh Biên Hòa thành lập trên cơ sở địa hạt Biên Hòa, do một viên Tham Biện cai trị, gọi là chủ tỉnh.

Năm 1901, tỉnh ly Biên Hòa đặt tại xã Bình Trước (tức thành phố Biên Hòa ngày nay), gồm 15 tổng, 151 làng. Toàn tỉnh có diện tích trồng lúa là 26.373 ha; hệ thống đường bộ có chiều dài 399,2 km (quốc lộ 52,1 km, tỉnh lộ 100,3 km, hương lộ 264,8 km, đường cán đá 156,7 km, đường đất 242,5 km); tổng chiều dài các cầu là 1.832 m. Có 98 địa điểm khai thác đá xanh, 150 điểm khai thác đá ong, 17 lò gạch, 21 lò rèn, 80 trại cưa gỗ, 4 trại đóng ghe, 9 khu rừng cấm.

Năm 1903, Toàn quyền Đông Dương thành lập quận Chứa Chan gồm 4 tổng người dân tộc thiểu số ở tỉnh Biên Hòa. Quận trưởng là một viên Kiểm lâm người Pháp.

Năm 1912, quận Xuân Lộc được thành lập, gồm 3 tổng: Bình Lâm Thượng, Phước Thành, An Viễn.

Năm 1924, tỉnh Biên Hòa có 17 tổng, 172 làng. Mạng lưới giao thông đường sá dài 713,5 km (trong đó quốc lộ chiếm 151,6 km, tỉnh lộ 287,8 km, hương lộ 278,1 km, đường rải nhựa 161,8 km, đường cán đá 405,7 km, đường đất 146 km). Tổng chiều dài các cầu là 3.541 m (cầu sắt 931m, cầu gỗ 2.610m).

Năm 1925, quận Chứa Chan bị bãi bỏ, thành lập 02 quận Phú Riêng và Võ Đắc ở tỉnh Biên Hòa.

Năm 1927, quận lỵ Phú Riêng chuyển về Bù Khoai và đổi tên là quận Sông Bé, quận lỵ Võ Đắc chuyển về Xuân Lộc và đổi tên là quận Xuân Lộc; lập quận Đồng Nai, lỵ sở đặt tại Thanh Sơn. Tỉnh trưởng Biên Hòa là Pierre Marty.

Năm 1928, thành lập quận Châu Thành ở tỉnh lỵ Bình Trước và quận Tân Uyên với trị sở tại chợ Tân Uyên.

Năm 1936, tỉnh Biên Hòa có diện tích là 11.044 km².

Năm 1939, tỉnh Biên Hòa có 5 quận với 16 tổng, 119 xã; gồm: quận Châu Thành (3 tổng: Chánh Mỹ Thượng, Phước Vinh Trung, Phước Vinh Thượng); quận Long Thành (3 tổng: Long Vĩnh Thượng, Thành Tuy Thượng, Thành Tuy Hạ); quận Xuân Lộc (4 tổng: Bình Lâm Thượng, An Viễn, Tập Phước, Phước Thành); quận Tân Uyên (3 tổng Phước Vinh Hạ, Chánh Mỹ Trung, Chánh Mỹ Hạ) và quận núi Bà Rá (4 tổng: Bình Cách, Thuận Lợi, Tân Thuận, Bình Tuy). Diện tích là 11.234 km², trong đó diện tích trồng lúa là 44.200 ha. Dân số có 166.000 người với mật độ trung bình 14 người trên 1 km²

Năm 1943, dân số tỉnh Biên Hòa là 183.000 người, trong đó người Việt 139.000 người, người Hoa 3.000 người, người Pháp 580 người, dân tộc thiểu số chiếm 40.000 người.

5. Thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)

Tháng Tám năm 1945, chính quyền về tay nhân dân. Toàn bộ tỉnh Biên Hòa được chính quyền Việt Minh tiếp quản trên cơ cấu hành chính trước đó. Tỉnh lỵ là quận Châu Thành, thị xã Biên Hòa.

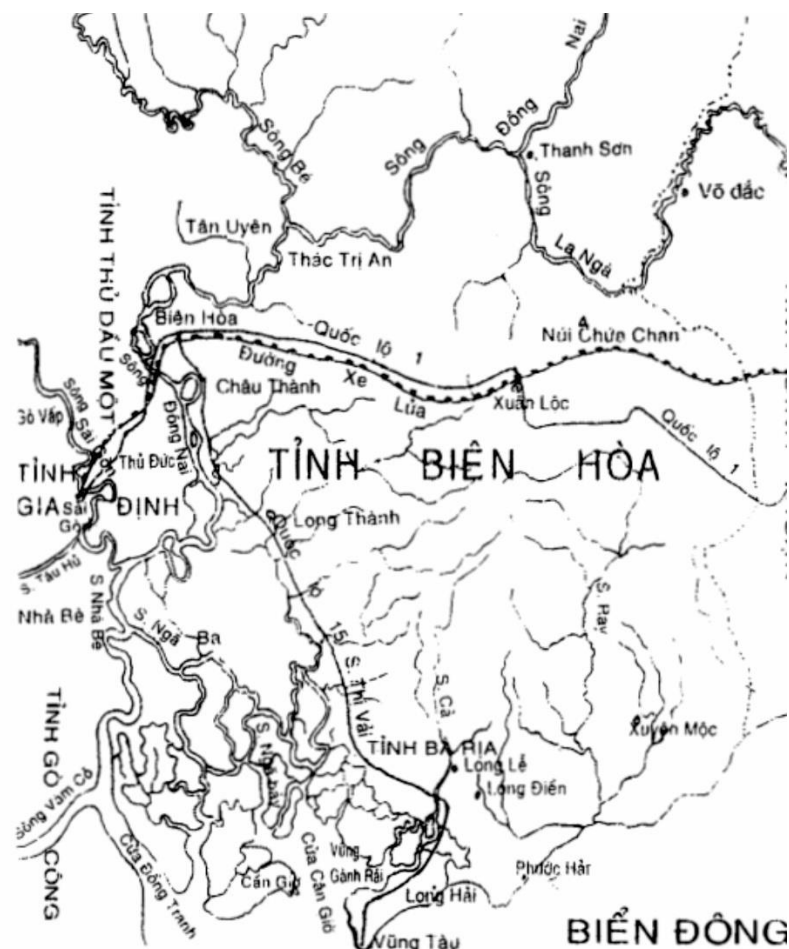
Năm 1946, sau những ngày độc lập ngắn ngủi, tỉnh Biên Hòa bị quân Pháp chiếm đóng; đặc biệt là các vùng thị xã, thị trấn, về mặt hành chính, thực dân Pháp vẫn giữ nguyên cơ cấu trước năm 1945.

Năm 1947, về phía cách mạng, chính quyền rút về hoạt động vùng Tân Uyên. Được sự chấp thuận của Ủy Ban Kháng chiến hành chính Nam Bộ, tỉnh Biên Hòa thành lập quận Sông Bé ở phía Đông và Đông Bắc Chiến khu Đ.

Năm 1948, trên địa bàn tỉnh Biên Hòa, Ủy Ban Kháng chiến hành chính Nam Bộ chia quận Châu Thành ra gồm 02 đơn vị: thị xã Biên Hòa và huyện Vĩnh Cửu.

Năm 1951, chính quyền cách mạng nhập 02 tỉnh Biên Hòa, Thủ Dầu Một thành tỉnh Thủ Biên. Tỉnh Thủ Biên thuộc Phân Liên Khu miền Đông, gồm 7 huyện: Hớn Quản, Lái Thiêu, Bến Cát, Thủ Đức, Tân Uyên, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc, huyện căn cứ Đồng Nai và 2 thị xã Biên Hòa, Thủ Dầu Một. Huyện Long Thành của tỉnh Biên Hòa nhập vào tỉnh Bà - Chợ (Bà Rịa và Chợ Lớn hợp thành Bà Chợ).

Đối với chính quyền thực dân, tỉnh Biên Hòa vẫn giữ nguyên cơ cấu như giai đoạn trước. Trong năm 1951, chính quyền thuộc địa, Pháp đổi quận Bà Rịa thành quận Sông Bé, cắt chuyển vào tỉnh Thủ Dầu Một.



Tỉnh Biên Hòa thời thuộc Pháp

6. Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975)

Tỉnh Thủ Biên thành lập năm 1951 tồn tại cho đến tháng 4/1955. Chính quyền cách mạng tách tỉnh Thủ Biên thành 02 tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một như trước năm 1951. Tỉnh Biên Hòa và tồn tại cho đến tháng 9/1960.

Năm 1960, chính quyền cách mạng thành lập tỉnh Long Khánh trên cơ sở tách một phần từ tỉnh Biên Hòa. Địa giới của tỉnh Long Khánh tương ứng địa giới của chính quyền Sài Gòn thành lập vào năm 1957, gồm phần đất Xuân Lộc và Định Quán (bao gồm cả huyện Tân Phú ngày nay). Từ tháng 9/1960, chính quyền cách mạng thành lập lại tỉnh Thủ Biên trên cơ sở sáp nhập 02 tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa.

Từ tháng 7/1961, chính quyền cách mạng chia tách tỉnh Thủ Biên thành tỉnh: Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Phước Thành. Địa giới tỉnh Phước Thành tương ứng với tỉnh Phước Thành mà chính quyền Sài Gòn thành lập vào năm 1959,

gồm: 2 tổng Chánh Mỹ Hạ, An Phước Hạ của quận Tân Uyên và một phần đất quận Định Quán thuộc tỉnh Long Khánh.

Tháng 3/1963, chính quyền cách mạng hợp nhất 3 tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa, Long Khánh thành tỉnh Bà Biên. Tỉnh Bà Biên tồn tại cho đến tháng 12/1963.

Từ tháng 12/1964, chính quyền cách mạng chia tỉnh Bà Biên thành 3 tỉnh: Biên Hòa, Bà Rịa và Long Khánh như năm 1963.

Năm 1965, chính quyền cách mạng chia tách tỉnh Biên Hòa thành 2 đơn vị hành chính là Biên Hòa U1 (gồm thị xã Biên Hòa) trực thuộc Trung ương Cục miền Nam; tỉnh Biên Hòa nông thôn (gồm các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Vĩnh Cửu, khu vực Trảng Bom).

Tháng 10/1966, chính quyền cách mạng sáp nhập 02 tỉnh Bà Rịa và Long Khánh thành tỉnh Bà Rịa - Long Khánh. Tỉnh Bà Rịa - Long Khánh tồn tại cho đến tháng 5/1971. Đồng thời, thành lập huyện Trảng Bom của tỉnh Biên Hòa nông thôn.

Tháng 10/1967, chuẩn bị chiến trường cho cuộc Tổng công kích và nổi dậy xuân Mậu Thân, chính quyền cách mạng bố trí các đơn vị hành chính như sau: sáp nhập 2 huyện Vĩnh Cửu và Trảng Bom của tỉnh Biên Hòa nông thôn vào tỉnh Biên Hòa U1; thành lập Phân khu 4 gồm các địa bàn: Long Thành, Nhơn Trạch, một số sở cao su Bình Sơn, Siph và một số xã phía Nam huyện Thủ Đức (nay thuộc địa phận quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh).

Từ tháng 5/1971, Bộ Chỉ huy Miền bố trí lại chiến trường. Thành lập Phân khu Thủ Biên trên cơ sở sáp nhập Phân khu 5 (địa bàn Thủ Dầu Một) với tỉnh Biên Hòa U1; thành lập Phân khu Bà Rịa - Long Khánh trên cơ sở sáp nhập tỉnh Bà Rịa - Long Khánh với Phân khu 4. Phân khu Bà Rịa - Long Khánh gồm 3 thị xã: Long Khánh, Bà Rịa, Vũng Tàu và 9 huyện (Xuân Lộc/gồm cả vùng Định Quán, Long Thành, Nhơn Trạch, Châu Đức/ Châu Thành và Đức Thạnh, Long Đất/ Long Điền và Đất Đỏ, Xuyên Mộc, Cao Su, Thủ Đức, Duyên Hải /cần Giờ). Các phân khu này tồn tại cho đến tháng 10/1972.

Từ tháng 10/1972, chính quyền cách mạng giải thể các phân khu và thành lập lại đơn vị hành chính cấp tỉnh. Tỉnh Biên Hòa gồm Biên Hòa nông thôn và Biên Hòa UL; tỉnh Bà Rịa - Long Khánh với địa giới như thời kỳ từ tháng 10/1966 đến tháng 5/1971.

Tháng 6/1973, chính quyền cách mạng chia tỉnh Biên Hòa thành 2 đơn vị hành chính: Thành phố Biên Hòa trên cơ sở thị xã Biên Hòa; tỉnh Biên Hòa nông thôn, gồm các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Thống Nhất, Tân Uyên, Vĩnh Cửu, Cần Giuộc.

Tháng 10/1973, Bộ Chỉ huy Miền thành lập tỉnh căn cứ Tân Phú gồm các huyện Tân Uyên (tỉnh Biên Hòa nông thôn), huyện Định Quán (tỉnh Bà Rịa - Long Khánh), huyện Độc Lập (bao gồm vùng Bù Cháp, Lý Lịch) và huyện Phú Giáo (địa bàn thuộc tỉnh Bình Dương ngày nay). Toàn tỉnh có 27 xã với số dân 22.000 người. Hai huyện Tân Uyên, Phú Giáo nằm trên trục lộ 14, 16 thuộc vùng tranh chấp giữa chính quyền cách mạng và chính quyền Sài Gòn. Cả 02 huyện đều giáp với huyện Độc Lập, ở giữa là căn cứ giải phóng.

Từ năm 1973 đến tháng 4/1975, địa bàn Biên Hòa - Đồng Nai gồm các đơn vị hành chính sau: tỉnh Biên Hòa nông thôn, Biên Hòa đô thị, tỉnh Bà Rịa - Long Khánh và tỉnh Tân Phú.

Năm 1975, sau khi hoàn toàn giải phóng, Trung ương Cục thành lập các Ban quân quản các địa bàn, gồm: tỉnh Biên Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Bà Rịa - Long Khánh, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Tân Phú.

Đối với chính quyền Sài Gòn, năm 1956, đã thực hiện cuộc cải cách hành chính khắp toàn miền Nam. Ngày 22/10/1956, chính quyền Sài Gòn ra sắc lệnh số 143 NV để: “thay đổi địa giới và tên Đô thành Sài Gòn - Chợ Lớn cùng các tỉnh và tỉnh lỵ tại Việt Nam”. Địa giới và địa danh các tỉnh ở miền Nam thay đổi nhiều, một số tỉnh mới được thành lập.

Ngày 03/01/1957, chính quyền Sài Gòn ra Nghị định thành lập đơn vị hành chính tỉnh Phước Tuy trên cơ sở hợp nhất 2 tỉnh Bà Rịa và Vũng Tàu. Tỉnh

ly Phước Tuy đặt tại Phước Lễ. Toàn tỉnh có 6 quận, gồm: Châu Thành, Xuyên Mộc, Long Điền, Đất Đỏ, Vũng Tàu, Cần Giờ. Tỉnh Phước Tuy tồn tại cho đến năm 1960 có những thay đổi ngày 20/3/1958 bãi bỏ quận Đất Đỏ nhập vào quận Long Điền; ngày 29/1/1959 thành lập quận Quảng Xuyên trên cơ sở phần đất phía Bắc quận cần Giờ.

Ngày 24/4/1957, chính quyền Sài Gòn tách quận Xuân Lộc thuộc địa bàn tỉnh Biên Hòa thành lập tỉnh Long Khánh. Tỉnh Long Khánh gồm 2 quận Xuân Lộc, Định Quán có 3 tổng Bình Lâm Thượng, Bình Tuy và Tà Lài. Tỉnh lỵ đặt tại thị trấn Xuân Lộc.

Ngày 3/5/1957, chính quyền Sài Gòn ra Nghị định ấn định các đơn vị hành chính tỉnh Biên Hòa, tỉnh lỵ đặt tại thị xã Biên Hòa. Tỉnh Biên Hòa gồm 4 quận: Châu Thành (quận lỵ đặt tại Biên Hòa), Tân Uyên (quận lỵ đặt tại chợ Tân Uyên), Dĩ An quận lỵ đặt tại xã An Bình), Long Thành (quận lỵ đặt tại xã Phước Lộc). Toàn tỉnh có 11 tổng: Phước Vĩnh Thượng, Long Vĩnh Thượng, Phước Vĩnh Trung, An Phước Hạ, Chánh Mỹ Trung, Chánh Mỹ Hạ, Chánh Mỹ Thượng, An Thủy, Long Vĩnh Hạ, Thành Tuy Thượng và Thành Tuy Hạ.

Ngày 29/6/1957, chính quyền Sài Gòn ra Nghị định cắt một phần đất của quận Định Quán tỉnh Long Khánh chuyển vào tỉnh mới Bình Tuy (tỉnh Bình Tuy được thành lập ngày 20/10/1956 trên cơ sở 2 quận Hàm Tân, Tánh Linh của tỉnh Bình Thuận hợp với một phần đất của tỉnh Đồng Nai Thượng).

Ngày 21/01/1959, chính quyền Sài Gòn thành lập tỉnh Phước Thành trên cơ sở quận Phú Giáo của tỉnh Bình Dương, quận Tân Uyên thuộc tỉnh Biên Hòa và một phần đất quận Định Quán thuộc tỉnh Long Khánh. Tỉnh Phước Thành thuộc đệ nhất Quân khu, gồm 3 quận: Hiếu Liêm, Tân Uyên và Phú Giáo. Tỉnh Phước Thành tồn tại cho đến năm 1967 thì giải thể.

Ngày 09/9/1960, chính quyền Sài Gòn thành lập quận Nhơn Trạch (trên cơ sở đất thuộc quận Long Thành của tỉnh Biên Hòa) và nhập 2 quận Quảng Xuyên, Cần Giờ (tỉnh Phước Tuy) vào tỉnh Biên Hòa. Như vậy, tỉnh Biên Hòa

có 6 quận gồm: Châu Thành, Dĩ An, Long Thành, Nhơn Trạch, Quảng Xuyên, Cần Giò. Ngày 25/7/1961, chính quyền Sài Gòn ra sắc lệnh, tạm thời nhập phần đất phía Nam tỉnh Phước Thành (quận Tân Uyên) vào tỉnh Biên Hòa.

Ngày 10/10/1962, chính quyền Sài Gòn ra sắc lệnh 192, cắt tổng Long Vĩnh Hạ của quận Dĩ An, tỉnh Biên Hòa nhập vào quận Thủ Đức, tỉnh Gia Định.

Ngày 7/3/1963, chính quyền Sài Gòn đổi tên quận Châu Thành thuộc tỉnh Biên Hòa thành quận Đức Tu. Ngày 22/3/1963, đổi tên quận Châu Thành ra quận Đức Tu. Thành lập quận mới Công Thanh thuộc tỉnh Biên Hòa, quận lỵ đặt tại Tân Phú. Như vậy, tỉnh Biên Hòa có 8 quận là: Đức Tu, Công Thanh, Tân Uyên, Dĩ An, Long Thành, Nhơn Trạch, Quảng Xuyên, Cần Giò (bãi bỏ cấp tổng).

Ngày 17/11/1965, chính quyền Sài Gòn cắt 2 quận Quảng Xuyên, Cần Giò thuộc tỉnh Biên Hòa nhập về tỉnh Gia Định. Tỉnh Biên Hòa còn 6 quận: Đức Tu, Công Thanh, Tân Uyên, Long Thành, Nhơn Trạch. Tỉnh Biên Hòa tồn tại cho đến tháng 4/1975. Năm 1967, chính quyền Sài Gòn thành lập quận Kiệm Tân thuộc tỉnh Long Khánh. Tỉnh Long Khánh có 3 quận: Xuân Lộc, Định Quán, Kiệm Tân và tồn tại cho đến tháng 4/1975.

7. Thời kỳ thống nhất đất nước (1975 - nay)

Tháng 01/1976, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam thành lập tỉnh Đồng Nai trên cơ sở sáp nhập các tỉnh: Biên Hòa, Bà Rịa - Long Khánh, Tân Phú (02 huyện Tân Uyên và Phú Giáo của tỉnh Tân Phú cắt chuyển vào tỉnh Sông Bé). Tỉnh Đồng Nai có thành phố Biên Hòa, thị xã Vũng Tàu; các huyện Thông Nhất, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc, Tân Phú, Long Thành, Châu Thành, Long Đất, Xuyên Mộc, Duyên Hải, 01 quần đảo, gồm 154 phường, xã, thị trấn.

Ngày 29/12/1978, Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quyết định chuyển huyện Duyên Hải của tỉnh Đồng Nai nhập vào Thành phố Hồ Chí Minh. Tỉnh Đồng Nai còn 01 thành phố, 01 thị xã và 08 huyện, 01 quần đảo.

Ngày 30/5/1979, Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam quyết định tách thị xã Vũng Tàu và xã Long Sơn thuộc huyện Châu Thành khỏi địa phận tỉnh Đồng Nai thành lập Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo. Tỉnh Đồng Nai còn 01 thành phố và 08 huyện, 01 quần đảo, gồm 141 phường, xã, thị trấn.

Ngày 09/12/1982, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Quyết định số 193, thành lập huyện Trường Sa (toàn bộ khu vực quần đảo Trường Sa - thuộc huyện Long Đất). Tỉnh Đồng Nai có 1 thành phố và 9 huyện. Từ tháng 12, huyện Trường Sa được Quốc hội chuyển nhập vào tỉnh Phú Khánh. Tỉnh Đồng Nai còn lại 1 thành phố và 8 huyện.

Ngày 23/12/1985, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Quyết định số 284, thành lập Thị xã Vĩnh An trên cơ sở huyện Vĩnh Cửu và 02 Lâm trường Hiếu Liêm và Mã Đà của huyện Tân Phú. Tỉnh Đồng Nai có 01 thành phố, 01 thị xã, 07 huyện, gồm 147 phường, xã, thị trấn.

Ngày 10/4/1991, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Quyết định số 107, chia huyện Xuân Lộc thành 2 huyện Long Khánh, Xuân Lộc; chia huyện Tân Phú thành 2 huyện Tân Phú, Định Quán.

Ngày 12/8/1991, Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam quyết định cắt chuyển 03 huyện Châu Thành, Long Đất, Xuyên Mộc của tỉnh Đồng Nai nhập vào tỉnh mới Bà Rịa - Vũng Tàu. Tỉnh Đồng Nai có 1 thành phố, 1 thị xã, 6 huyện, gồm 119 phường, xã, thị trấn.

Ngày 23/6/1994, Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Nghị định số 51, chia huyện Long Thành thành 02 huyện: huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch. Ngày 29/8/1994, thành lập lại huyện Vĩnh Cửu trên cơ sở thị xã Vĩnh An.

Ngày 21/8/2003, Nghị định số 97/2003/NĐ - CP của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thành lập huyện Thống Nhất, Trảng Bom trên cơ sở chia tách huyện Thống Nhất trước đây, nâng huyện Long Khánh trở

thành Thị xã Long Khánh, thành lập huyện Cẩm Mỹ trên cơ sở một số xã của huyện Long Khánh và huyện Xuân Lộc.

Ngày 05/02/2010, Nghị quyết số 05/NQ - CP của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng ký sáp nhập thêm 04 xã của huyện Long Thành; gồm các xã An Hòa, Long Hưng, Phước Tân và Tam Phước nhập vào thành phố Biên Hòa.

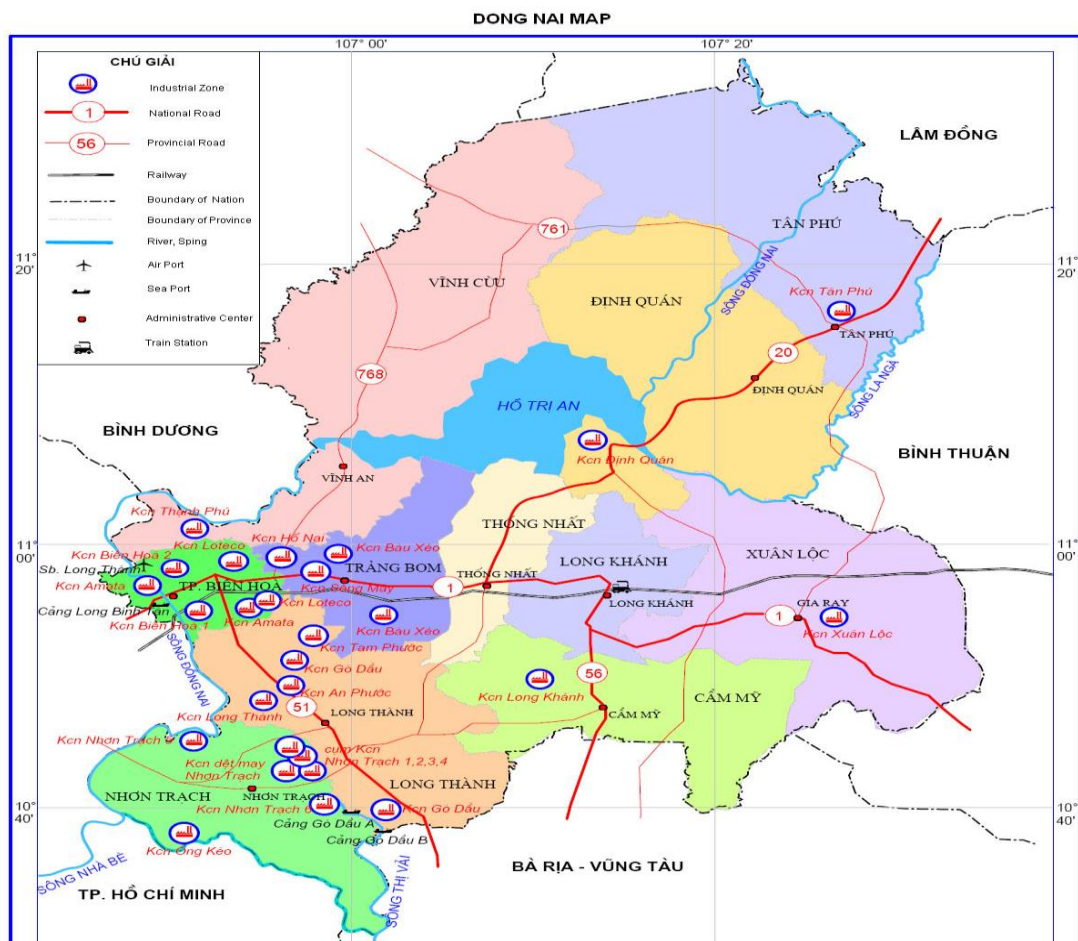


Tỉnh Đồng Nai hiện nay, phía Đông giáp tỉnh Bình Thuận, phía Đông Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng, phía Tây Bắc giáp tỉnh Bình Dương và Bình Phước, phía Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, phía Tây giáp Thành phố Hồ Chí Minh, nằm ở vị trí trung tâm Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, là vùng kinh tế phát triển năng động nhất Việt nam. Tỉnh Đồng Nai hiện có 11 đơn vị hành chính với 171 đơn vị xã, phường, thị trấn, gồm thành phố Biên Hòa là trung tâm chính trị, kinh

tế, văn hóa của tỉnh, thị xã Long Khánh và 9 huyện là Long Thành, Nhơn Trạch, Vĩnh Cửu, Trảng Bom, Thống Nhất, Định Quán, Tân Phú, Cẩm Mỹ, Xuân Lộc.

Diện tích tự nhiên Đồng Nai 5.907,1 km², dân số khoảng 2,56 triệu người, trong đó: dân số khu vực thành thị 33,23%, khu vực nông thôn 66,73%.

STT	Đơn vị hành chính	Số phường xã, Thị trấn	Diện tích (Km ²)	Dân số 2010 (người)
	Tổng cộng	171	5.907,1	2.559.862
1	Tp. Biên Hòa	30	264,08	784.000
2	Thị xã Long Khánh	15	194,09	144.406
3	Huyện Long Thành	15	431,01	188.594
4	Huyện Nhơn Trạch	12	410,89	163.372
5	Huyện Vĩnh Cửu	12	1092,55	160.513
6	Huyện Trảng Bom	17	326,14	198.510
7	Huyện Thống Nhất	10	247,21	155.790
8	Huyện Cẩm Mỹ	13	468,36	156.472
9	Huyện Xuân Lộc	15	726,19	218.753
10	Huyện Định quán	14	971,09	220.821
11	Huyện Tân Phú	18	775,53	168.631



Câu 2: Hãy trình bày những hiểu biết và cảm nhận của bạn về di tích Văn miếu Trấn Biên. Qua đó hãy nêu những việc cần làm của bạn trong việc bảo vệ cảnh quan di tích và giới thiệu di tích đến mọi người.

NHỮNG HIỂU BIẾT VÀ CẢM NHẬN VỀ DI TÍCH VĂN MIẾU TRẤN BIÊN

Trước khi đi thực tế tìm hiểu về di tích Văn Miếu Trấn Biên, con đã lên internet tìm hiểu trước về khu di tích này. Và khi đến nơi, con cảm thấy có rất nhiều điều thú vị và hấp dẫn. Khu đường vào Văn Miếu rất dễ đi và khá thoáng đãng. Khung cảnh ở Văn Miếu cũng rất đẹp. Bởi có nhiều cây xanh, có hồ nước, có các công trình được đầu tư đẹp và ý nghĩa.

Lịch sử vùng đất Đồng Nai từ thế kỷ XVI là vùng đất hoang sơ. Đến năm 1698, chương cơ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh vào Nam kinh lược xứ Nam bộ lúc này kinh tế Đồng Nai phát triển khá trù phú, nên văn hóa học hiệu càng được chú trọng hơn. Vì thế 17 năm sau, tức năm Ất Mùi (1715), chúa Nguyễn Phúc Chu sai Trấn thủ Nguyễn Phan Long và Ký lục Phạm Khánh Đức xây dựng Văn miếu Trấn Biên *tại thôn Tân Lại, tổng Phước Dinh, huyện Phước Chánh* (nay thuộc phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa). Trước năm 1802, hằng năm, đích thân chúa Nguyễn Phúc Ánh đến Văn miếu Trấn Biên để hành lễ hai lần vào mùa xuân và mùa thu. Nhưng từ khi chúa Nguyễn lên ngôi ở Huế, thì quan tổng trấn thành Gia Định, thay mặt vua, cùng với trấn quan Biên Hòa và quan đốc học đến hành lễ...

Văn miếu Trấn Biên có hai lần được trùng tu lớn: Lần trùng tu thứ nhất vào năm Giáp Dần (1794). Khi ấy, chúa Nguyễn Phúc Ánh sai Lễ bộ Nguyễn Hồng Đô lo việc trùng tu. Lần trùng tu thứ hai vào năm Tự Đức thứ 5 (Nhâm Tý, 1852). Sau khi hoàn thành văn miếu có qui mô lớn hơn trước. Với hai lần trùng tu ấy Văn Miếu Trấn Biên đã được danh nhân Trịnh Hoài Đức ghi chép trong sử sách Gia Định Thành Thông Chí với một thể đất đẹp: “Phía Nam hướng đến sông Phước, Phía Bắc dựa vào núi rừng núi sông thanh tú là một cảnh tuyệt đẹp nhất ở Văn Miếu Trấn Biên..”

Vào năm 1861, khi thực dân Pháp xâm lược miền Đông Nam kì đánh chiếm Biên Hòa cho tàn phá văn miếu Trấn Biên nhằm thực hiện chính sách ngu dân và thống trị lâu dài. Với ý chí kiên cường bất khuất nhân dân ta đã nổi dậy giành chính quyền. Vào ngày 9/12/1998, Đảng Ủy và nhân dân tỉnh Đồng Nai đã khởi công xây dựng lại Văn miếu Trấn Biên tại phường Bửu Long, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; cách trung tâm thành phố khoảng 3 km, và gần Trung tâm Văn hóa Du lịch Bửu Long trong phạm vi khoảng 2 ha, với số tiền đầu tư gần 20 tỷ đồng. Công trình được khánh thành vào ngày mùng 3 Tết Nhâm Ngọ (nhằm ngày 14 tháng 2 năm 2002) với tổng diện tích gần 15 ha, trong đó khu trung tâm rộng khoảng 2 ha.

Văn Miếu Trấn Biên ra đời được xem như là "Văn Miếu Quốc Tử Giám" của Nam Bộ. Đây chính là biểu trưng cho truyền thống học tập, hào khí và văn hóa của người Việt phương Nam. Văn Miếu là nơi thờ phụng các danh nhân văn hóa tiêu biểu của đất nước và là biểu trưng của nền văn hóa dân tộc. Với các công trình được xây dựng theo kiến trúc Văn Miếu - Quốc Tử Giám ở Hà Nội, gồm các hạng mục: nhà thờ chính, tả vu hữu vu, sân hành lễ... thể hiện truyền thống tôn sư trọng đạo, kính trọng hiền tài.

Những hiểu biết về kiến trúc Văn miếu Trấn Biên

Theo sách “Đại Nam nhất thống chí” của Quốc sử quán triều Nguyễn miêu tả, Văn Miếu Trấn Biên được ghi nhận là Văn Miếu được xây dựng sớm nhất ở miền Nam (mặc dù ra đời sau Văn Miếu Quốc Tử Giám hơn 700 năm). Khi quân Pháp đánh chiếm Biên Hòa năm 1861, chúng đã phá hủy hoàn toàn Văn Miếu Trấn Biên nhằm dập tắt tinh thần yêu nước của người dân Nam Bộ.

Với ý chí kiên cường bất khuất nhân dân ta đã nổi dậy giành chính quyền. Vào ngày 09/12/1998, Đảng Ủy và nhân dân tỉnh Đồng Nai đã khởi công xây dựng lại Văn miếu Trấn Biên tại phường Bửu Long, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; cách trung tâm thành phố khoảng 3 km và gần Trung tâm Văn hóa Du lịch Bửu Long trong phạm vi khoảng 2 ha, với số tiền đầu tư gần 20 tỷ đồng. Công trình được khánh thành vào ngày mùng 3 Tết Nhâm Ngọ (nhằm ngày 14 tháng 2

năm 2002) với tổng diện tích gần 15 ha, trong đó khu trung tâm rộng khoảng 2 ha.

Văn Miếu Trấn Biên ra đời được xem như là “Văn Miếu Quốc Tử Giám” của Nam Bộ. Đây chính là biểu trưng cho truyền thống học tập, hào khí và văn hóa của người Việt phương Nam. Văn Miếu là nơi thờ phụng các danh nhân văn hóa tiêu biểu của đất nước và là biểu trưng của nền văn hóa dân tộc. Với các công trình được xây dựng theo kiến trúc Văn Miếu - Quốc Tử Giám ở Hà Nội, gồm các hạng mục: nhà thờ chính, tả vu hữu vu, sân hành lễ... thể hiện truyền thống tôn sư trọng đạo, kính trọng hiền tài.

Nổi bật giữa vùng không gian thoáng đãng, nhiều cây xanh, là những vòm mái cong, lợp ngói lưu ly màu xanh ngọc (gốm tráng men). Từ Văn miếu môn lần lượt là nhà Bia, Khuê Văn Các, hồ Thiên Quang Tĩnh, cổng Đại Thành, nhà thờ Đức Khổng Tử và sau cùng là nhà thờ chính rộng lớn.



Toàn cảnh văn miếu Trấn Biên

Văn Miếu Môn (Cổng Văn miếu): Với kết cấu lầu gác, đây là lối đi chính dẫn vào khu thờ tự bên trong.



Cổng Văn Miếu

Nhà Bia: Bài văn bia do giáo sư - anh hùng lao động Vũ Khiêu biên soạn, gồm 8 phần, mỗi phần gồm 10 câu, được khắc trên hai mặt bia đá. Khái quát truyền thống văn hóa, giáo dục của dân tộc và của vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai, thể hiện khát vọng của nhân dân Đồng Nai trong kỷ nguyên mới.



Hai mặt bia đá phía trước và sau

Khuê Văn Các: gác vẽ đẹp ngôi sao Khuê ngôi sao chủ đạo trong bầu trời văn học.

Thiên Quang Tỉnh (Giếng ánh sáng mặt trời): là hồ nước lớn nằm giữa Khuê Văn các và Đại Thành Môn, ngay trên trục thần đạo. Hồ có hình chữ nhật, chung quanh được kè bằng đá Bửu Long. Nước hồ trong xanh, được thả các loại cá và sen. Buổi sáng, Khuê Văn Các; buổi chiều Đại Thành Môn in bóng trên mặt hồ càng tạo thêm phong cảnh tươi đẹp cho Văn miếu. Thiên Quang Tỉnh được xây dựng theo kết cấu hình vuông tượng trưng cho đất.



Thiên Quang Tỉnh

Đại Thành Môn: Lóp công của sự thành đạt lớn lao. Các nho sĩ ngày xưa khi đi thi đạt được trình độ học vấn uyên thâm thì sẽ được bước qua lóp công Đại Thành này vào khu thờ tự bên trong.

Nhà thờ Đức Khổng Tử: Khổng Tử là người khai sáng ra Nho giáo và Nho học. Ngày nay, Trung tâm Văn miếu Trấn Biên cũng đưa vào thờ Khổng Tử ở vị trí trang trọng từ ngoài vào nhằm thể hiện hơn nữa tinh thần tôn sư trọng đạo, tôn trọng tri thức.



Bái Đường (Nhà thờ chính): xây dựng kiểu nhà ba gian hai chái, theo kiến trúc cổ, sơn son thếp vàng, nền lát gạch, trên các cột nhà treo đôi liễn đối.

Gian trung tâm thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890 – 1969): anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, danh nhân văn hóa thế giới. Sau lưng tượng thờ Chủ tịch là hình ảnh Trống đồng Ngọc Lũ biểu tượng cho nền văn hóa Việt Nam và Quốc Tổ Hùng Vương.



Gian trung tâm nhà thờ chính thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh

Gian bên trái nhà là nơi thờ các danh nhân văn hóa Việt Nam như Chu Văn An (1292 - 1370), Nguyễn Trãi (1380 - 1442), Nguyễn Bình Khiêm (1491 - 1585), Lê Quý Đôn (1724 - 1784), Nguyễn Du (1765 - 1820).

Gian bên phải thờ danh nhân đất Nam Bộ như Võ Trường Toản, (? - 1792), Đặng Đức Thuật, Gia đình tam gia có: Trịnh Hoài Đức (1765 - 1825), Lê Quang Định (1759 - 1813), Ngô Nhơn Tịnh (? - 1813), Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888), Bùi Hữu Nghĩa (1807 - 1872).

Đối tượng thờ tự ở Văn miếu Trấn Biên có khác so với những Văn miếu xây dựng trước đây. Những danh nhân văn hoá của các vùng miền tiêu biểu trong diễn trình lịch sử Việt Nam được thờ trong Văn miếu Trấn Biên. Mặc dù còn nhiều ý kiến trong việc bố trí đối tượng thờ trong Văn miếu Trấn Biên nhưng nhìn ở góc độ hiện tại, sự “cách tân” về các đối tượng được phối thờ hiện nay thể hiện một sự tiếp nối mạch nguồn xuyên suốt lịch sử văn hoá của dân tộc.



*Chu Văn An
(1292 - 1370)*



*Nguyễn Trãi
(1380 - 1442)*



*Nguyễn Bình Khiêm (1491 -
1585)*



Lê Quý Đôn
(1724 - 1784)



Nguyễn Du
(1765 - 1820)

Bên cạnh các đôi tượng thờ này, trong Nhà Bái đường còn có những hiện vật thể hiện những giá trị có tính chất nối tiếp mạch nguồn của dân tộc kể từ khi Văn miếu Trấn Biên được tái tạo: Đó là tủ thờ *18 kg đất và 18 lít nước mang về từ đền Hùng* (hiện vật do Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ tặng năm 2002 nhân dịp khánh thành công trình phục dựng Văn miếu Trấn Biên), biểu trưng cho 18 đời vua Hùng, cội nguồn của dân tộc Việt, *Văn bia Tiến sĩ khoa thi 1442* (phục chế) và *Trống hội Thăng Long* (hiện vật do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội tặng năm 2002 nhân dịp khánh thành công trình phục dựng Văn miếu Trấn Biên).





18 kg đất và 18 lít nước mang về từ đền Hùng



Bia Tiên sĩ



Trống hội Thăng Long

Phía trước hai bên nhà thờ chính: Là *Nhà Văn Vật Khố* (nơi trưng bày 4 làng nghề truyền thống của Biên Hòa – Đồng Nai: nghề đồng, nghề mộc, nghề đá, nghề gốm. Cân đối hài hòa với Nhà Văn vật khố là *Nhà Thư Khố* - nơi trưng bày các thư tịch cổ, các tài liệu, sách báo... viết về lịch sử, văn hóa, con người vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai xưa và nay.



Trước nhà văn vật khó

Ngoài ra, nơi Văn miếu Trấn Biên còn có khu sinh hoạt truyền thống gồm có nhà truyền thống không những là nơi tổ chức các buổi họp mặt, tọa đàm giới thiệu và tìm hiểu về lịch sử, văn hóa, con người vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai và các hoạt động sinh hoạt văn hóa khác mà còn là nơi trưng bày triển lãm tranh ảnh, tư liệu về Văn Miếu Trấn Biên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2016, Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch đã có quyết định về việc xếp hạng cấp Quốc gia di tích lịch sử Văn miếu Trấn Biên (phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai). Điều này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, nhằm phát huy những giá trị văn hóa, khẳng định vị thế của Văn miếu Trấn Biên trong đời sống tinh thần của người dân Đồng Nai và vùng đất Nam bộ.



Văn Miếu Trấn Biên được xếp hạng di tích cấp quốc gia năm 2016

Nhằm tôn vinh, bảo tồn và phát huy tinh thần hiếu học, truyền thống tôn sư trọng đạo, trọng nhân tài của dân tộc đồng thời giáo dục cho các thế hệ sinh viên học sinh ngày nay hiểu biết thêm về các danh nhân văn hóa Việt Nam, tỉnh Đồng Nai đã thực hiện Vườn tượng danh nhân văn hóa.

Công trình “**Vườn tượng Danh nhân văn hóa**” bắt đầu triển khai thực hiện từ tháng 4/2014, với ý nghĩa nhằm khẳng định các giá trị cội nguồn của dân

tộc, tiếp nối mạch nguồn văn hóa truyền thống Thăng Long – Hà Nội và Văn miếu Trấn Biên – Đồng Nai; khuyến khích tinh thần trọng học, trọng nhân tài của cha ông ta. Và đây cũng là một trong những công trình trọng điểm chào mừng Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ X (nhiệm kỳ 2015-2020) của tỉnh.

Công trình này nằm trên khuôn viên thờ tự rộng 2ha, gồm tượng 13 vị danh nhân văn hóa của dân tộc Việt Nam, trong đó có 12 vị đang được thờ tại Nhà Bái đường của Văn miếu Trấn Biên: Chu Văn An (1292-1370), Nguyễn Trãi (1380-1442), Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585), Lê Quý Đôn (1726-1784), Nguyễn Du (1765-1820), Võ Trường Toản (?-1792), Đặng Đức Thuật (?), Trịnh Hoài Đức (1765-1825), Ngô Nhơn Tịnh (1761-1813), Lê Quang Định (1759-1813), Bùi Hữu Nghĩa (1807-1872), Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888) và Tượng Vua Lý Thái Tổ (974-1028). Điểm nhấn của vườn tượng danh nhân văn hóa là tượng Vua Lý Thái Tổ với chiều cao trên 7,5m. Tất cả các bức tượng đều được chế tác bằng đá xanh từ nguồn kinh phí xã hội hóa.



Cắt băng khánh thành Vườn tượng danh nhân văn hóa

Từ khi khánh thành đưa vào hoạt động đến nay, khuôn viên Vườn tượng Danh nhân văn hóa luôn là nơi thường xuyên diễn ra những buổi giao lưu, sinh hoạt văn hóa vui tươi, lành mạnh của người dân trong tỉnh; nơi tổ chức những buổi cắm trại, dã ngoại bổ ích, đưa lịch sử Việt Nam đến gần hơn với các em học sinh, khuyến khích các em tìm hiểu về tiểu sử vị danh nhân văn hóa mà ngôi trường mình vinh dự được mang tên.



Một góc vườn tượng nghệ thuật

Vào năm 2016, Trung tâm Văn Miếu Trấn Biên cũng đã tổ chức khánh thành thêm khu vườn tượng nghệ thuật. Được biết, việc đưa Vườn tượng nghệ thuật vào hoạt động nhằm tạo thêm một điểm tham quan cho du khách, nhân dân địa phương khi đến với Văn miếu Trấn Biên. Bên cạnh đó, đây còn là một trong những hoạt động văn hóa được Văn Miếu thực hiện nhằm chào mừng sự kiện Văn miếu Trấn Biên được công nhận là di tích cấp Quốc gia.



Khu vườn tượng danh nhân phía trước Văn Miếu

Những hoạt động diễn ra ở Văn Miếu Trấn Biên

Theo tài liệu 290 năm Văn Miếu Trấn Biên (năm 2005), các nội dung hoạt động của Văn Miếu bao gồm: thờ phụng, tế lễ; tôn vinh các giá trị văn hóa – giáo dục; sinh hoạt văn hóa – giáo dục; tham quan, du lịch.

Qua tìm hiểu trên các phương tiện thông tin, Văn miếu Trấn Biên kể từ khi được phỏng dựng, đã vun đắp thành thiết chế văn hóa thiêng liêng mà vẫn thân thiện, gần gũi với mọi người, trở thành điểm hẹn văn hóa kết tinh và lan tỏa sâu rộng ở xứ Đồng Nai. Là nơi tôn vinh những giá trị di sản văn hóa, lịch sử, khoa học truyền thống và các giá trị văn hóa, khoa học hiện đại mang hơi thở của cuộc sống; tôn vinh những cá nhân, tập thể đạt những danh hiệu cao quý cấp quốc gia, quốc tế trên các lĩnh vực Văn hóa, Giáo dục đào tạo, Nghệ thuật, Y tế, Khoa học...; nơi diễn ra các hoạt động về văn hóa, giáo dục, khoa học; định hướng thế hệ trẻ không chỉ tự hào về truyền thống của dân tộc, mà còn nỗ lực vươn lên trong học tập lao động, cống hiến tài năng cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt trong tiến trình đi lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế và phát triển đất nước.



Giáo viên và học sinh tham quan khu vườn tượng danh nhân (ảnh sưu tầm)

Trung tâm Văn miếu Trấn Biên đã không ngừng đổi mới trong công tác quản lý, điều hành và tổ chức nhiều hoạt động khá phong phú, và từng bước thực hiện quy hoạch đã được tỉnh Đồng Nai phê duyệt, nỗ lực để đưa Văn miếu Trấn Biên thành một Trung tâm Văn hóa, Khoa học với nhiều hoạt động bảo tồn phát huy các giá trị di sản văn hóa của dân tộc, cập nhật và phổ biến những tri thức văn hóa, khoa học, giáo dục. Đồng thời, cũng là nơi giới thiệu giao lưu văn hóa truyền thống ở địa phương cùng các tỉnh bạn; nơi tham quan học tập của sinh viên, học sinh, thường ngoạn của du khách trong và ngoài tỉnh với Đường hoa Trấn Biên những dịp Xuân về.

Hàng năm, Trung tâm Văn miếu Trấn Biên còn tổ chức các hoạt động dâng hương tưởng nhớ chủ tịch Hồ Chí Minh; các hoạt động về nguồn, triển lãm, tọa đàm, sinh hoạt chuyên đề giới thiệu về cuộc đời và sự nghiệp các danh nhân văn hóa được thờ trong Văn miếu... Đây là một trong các hoạt động truyền thống nhằm giáo dục thế hệ trẻ về lịch sử dân tộc, lịch sử quê hương. Đồng thời, thông qua các buổi sinh hoạt, tạo sân chơi lành mạnh giúp học sinh các trường giao lưu, học hỏi hiểu biết thêm về danh nhân văn hóa dân tộc; động viên, khuyến khích học sinh noi gương các bậc tiền nhân phấn đấu hơn nữa trong việc rèn luyện nhằm đạt thành tích cao trong học tập. Bên cạnh đó, Trung tâm Văn

miếu Trần Biên còn phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể, các đơn vị trong và ngoài tỉnh tổ chức lễ báo công, tuyên dương, khen thưởng, kết nạp Đoàn viên.

Qua nghiên cứu tìm hiểu con mới thấy được những giá trị văn hóa, lịch sử và giáo dục của di tích Văn Miếu Trần Biên. Nếu trước đây con chỉ biết tên gọi Văn Miếu nằm cạnh khu du lịch Bửu Long. Thì nay con đã hiểu ra những giá trị to lớn mà các thế hệ cha ông đã bỏ nhiều công sức ra xây dựng, phục dựng lại Văn Miếu Trần Biên. Văn Miếu đã có và đã ở đó với rất nhiều ý nghĩa, vậy điều còn lại là làm sao phát huy hết các giá trị vốn có của nó đến tất cả người dân trong và ngoài tỉnh. Với cuộc thi tìm hiểu văn hóa – lịch sử này là một cách thức tốt nhất để tất cả mọi người có thêm động lực nghiên cứu tìm hiểu. Và con nghĩ đây là cách phát huy giá trị hiệu quả và ý nghĩa.



Ảnh sưu tầm: Lễ khánh thành Văn Miếu

NHỮNG VIỆC CẦN LÀM TRONG VIỆC BẢO VỆ CẢNH QUAN DI TÍCH VÀ GIỚI THIỆU DI TÍCH ĐẾN MỌI NGƯỜI

Trong chuyến tham quan Văn Miếu, con thấy mọi thứ được trưng bày ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ và rất dễ tìm hiểu thông tin. Đối với bản thân là học sinh, để bảo vệ cảnh quan di tích thì con nghĩ khi đến tham quan cần thực hiện đúng các nội dung trong nội quy được dựng ngay cổng chính. Chính vì vậy việc

làm đầu tiên khi đến Văn Miếu là phải đọc nội quy xem được làm gì và không được làm gì.



Văn Miếu là nơi trang nghiêm nên cần phải ăn mặc lịch sự để vào tham quan tìm hiểu và thấp nén nhang trước những bậc tiền nhân. Không được mang thức ăn hay xả rác trong khuôn viên Văn Miếu. Trong Văn Miếu được trồng rất nhiều loại cây khác nhau, để giữ gìn cây xanh tươi tốt thì tuyệt đối không được bẻ cành, hái hoa. Khi đi tham quan các khu vực của Văn Miếu thì tuyệt đối không thay đổi hiện trạng của các hiện vật, có xem vật dụng gì thì cần phải nhẹ nhàng để không bị hư hại.

Thông qua cuộc thi này con mới có dịp đến tham quan Văn Miếu, tận mắt nhìn thấy công trình di tích cấp Quốc gia. Một công trình đầy ý nghĩa giáo dục, uống nước nhớ nguồn. Con mong rằng trong thời gian tới các trường học mà cụ thể là nơi con học tập có những chuyến về nguồn, chuyến tham quan có hướng dẫn viên hướng dẫn để chúng con hiểu nhiều về lịch sử, truyền thống.

Nếu các trường không tổ chức về nguồn ở Văn Miếu thì con cũng mong rằng các bạn học sinh tích cực tham gia các cuộc thi tìm hiểu lịch sử để hiểu hơn về địa phương, dân tộc. Các bạn học sinh có thể nhờ người thân chở đến tham quan Văn Miếu. Vì đây còn là địa điểm tham quan, vui chơi thú vị cuối tuần. Con được biết Văn Miếu thường có những hoạt động văn hóa bổ ích khác như: Lễ hội đường hoa, lễ hội cây cảnh, lễ hội thư pháp và rất nhiều lễ hội khác nữa.

Để giới thiệu Văn Miếu đến bạn bè và người thân thì con sẽ giới thiệu những nội dung sau đây:

- Văn Miếu Trấn Biên hiện nằm tại Phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, nằm gần khu Du lịch Bửu Long nên có thể kết hợp tham quan được cả hai trong một buổi.

- Văn Miếu là công trình văn hóa, giáo dục mang nhiều giá trị nhân văn thể hiện ở việc thờ Bác Hồ, Khổng Tử và các vị anh hùng dân tộc Việt Nam như đã trình bày trong bài.

- Văn Miếu còn là nơi tổ chức nhiều sự kiện văn hóa - lịch sử quan trọng của tỉnh Đồng Nai; và là nơi tôn vinh những tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong lao động, sáng tạo và học tập.

- Với khung cảnh đẹp, rộng rãi, thoáng mát, Văn Miếu là một địa chỉ tham quan cuối tuần cùng gia đình, bạn bè và là nơi để học sinh về nguồn học tập đầy ý nghĩa.

- Mỗi dịp xuân về, các bạn hãy đến Văn Miếu để thưởng lãm các lễ hội và tham gia các hoạt động dâng hương của tỉnh nhà.

- Nếu không có điều kiện tham quan trực tiếp thì các bạn học sinh có thể lên trang web của Văn Miếu Trấn Biên để tìm hiểu thông tin tại địa chỉ: <http://vanmieutranbien.com.vn>.

- Để mọi người cùng biết về Văn Miếu Trấn Biên thì trước tiên con sẽ kể cho các bạn học, thầy cô giáo về chuyến tham quan của mình. Thông qua bài thu hoạch, bài lịch sử địa phương con sẽ tiếp tục giới thiệu.

Có lẽ còn rất nhiều hoạt động nữa mà con chưa thể tìm hiểu hết được. Con hi vọng trong thời gian tới sẽ tiếp tục có dịp tham quan Văn Miếu để tìm hiểu kỹ hơn nữa. Cũng như có dịp tham dự các hoạt động lễ hội ở Văn Miếu.

Để hoàn chỉnh bài thi này con đã có sự hỗ trợ của nhiều người trong định hướng làm bài. Nhờ những định hướng của gia đình và cô giáo mà con đã nghiêm túc nghiên cứu tài liệu, tham quan di tích. Con xin cảm ơn nhà trường đã phát động và cảm ơn gia đình, cô giáo đã giúp đỡ con hoàn thiện bài thi.

Tài liệu tham khảo:

1. Đồng Nai - góc nhìn văn hóa của tác giả Huỳnh Văn Tới và Phan Đình Dũng
2. Biên hòa – Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển
3. Địa chí Đồng Nai tập 5
4. Website Sở KH&CN: <https://dost-dongnai.gov.vn>
5. Website Văn Miếu Trấn Biên: <http://vanmieutranbien.com.vn>
6. Website Thư viện tỉnh ĐN: <http://thuviendongnai.gov.vn>

MỤC LỤC

Câu 1:.....	Trang 1
- Vài nét về nhân vật thiết lập nền hành chính tỉnh Đồng Nai.....	Trang 1
- Địa giới hành chính tỉnh Đồng Nai	Trang 6
Câu 2:	Trang 23
- Những hiểu biết và cảm nhận về Văn Miếu Trấn Biên	Trang 23
- Những việc cần làm để bảo vệ di tích và giới thiệu với mọi người về Văn Miếu Trấn Biên.....	Trang 40